

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG NAGITA VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty vi t b ng ti ng Vi t: CÔNG TY C PH N CÔNG NGH XÂY D NG
NAGITA VI T NAM

Tên công ty vi t b ng ti ng nư c ngoài: VIET NAM NAGITA CONSTRUCTION
TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty vi t t t: NAGITA CONTEC.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108958648

3. Ngày thành lập: 24/10/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

S 128 Ph Sài Đ ng, Phư ng Sài Đ ng, Qu n Long Biên, Thành ph Hà N i, Vi t
Nam

Đi n tho i: 024.36380013

Fax:

Email: nagitavn@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây d ng nhà đ	4101
2.	Xây d ng nhà không đ	4102
3.	Xây d ng công trình đư ng s t	4211
4.	Xây d ng công trình đư ng b	4212
5.	Xây d ng công trình c p, thoát nư c	4222
6.	Xây d ng công trình vi n thông, thông tin liên l c	4223
7.	Xây d ng công trình công ích khác	4229
8.	Xây d ng công trình th y	4291
9.	Xây d ng công trình khai khoáng	4292
10.	Xây d ng công trình ch bi n, ch t o	4293
11.	Xây d ng công trình k thu t dân d ng khác	4299
12.	Phá d	4311
13.	Chu n b m t b ng (tr dò mìn và các lo i tương t)	4312
14.	L p đ t h th ng đi n	4321
15.	L p đ t h th ng c p, thoát nư c, h th ng sư i và đi u hoà không khí	4322
16.	L p đ t h th ng xây d ng khác	4329

17.	Ho t đ ng xây d ng chuyên d ng khác Chi ti t: Ho t đ ng xây d ng chuyên bi t s d ng trong t t c các k t c u công trình nhưng yêu c u ph i có k năng riêng chuyên sâu ho c ph i có thi t b chuyên môn hóa như Các công vi c v ch ng m và ch ng th m nư c và Ch ng m các toà nhà.	4390
18.	Bán buôn đ dùng khác cho gia đình Chi ti t: - Bán buôn vali, c p, túi, ví, hàng da và gi da khác - Bán buôn nư c hoa, hàng m ph m và ch ph m v sinh - Bán buôn hàng g m, s , th y tính - Bán buôn đ đi n gia d ng, đèn và b đèn đi n - Bán buôn giư ng, t , bàn gh và đ dùng n i th t tương t	4649
19.	Bán buôn máy vi tính, thi t b ngo i vi và ph n m m	4651
20.	Bán buôn thi t b và linh ki n đi n t , vi n thông	4652
21.	Bán buôn máy móc, thi t b và ph tùng máy nông nghi p	4653
22.	Xây d ng công trình đi n	4221
23.	Bán buôn máy móc, thi t b và ph tùng máy khác	4659
24.	Bán l máy vi tính, thi t b ngo i vi, ph n m m và thi t b vi n thông trong các c a hàng chuyên doanh	4741
25.	Bán l thi t b nghe nhìn trong các c a hàng chuyên doanh	4742
26.	Bán l đ ngũ kim, sơn, kính và thi t b l p đ t khác trong xây d ng trong các c a hàng chuyên doanh Chi ti t: - Bán l đ ngũ kim trong các c a hàng chuyên doanh - Bán l sơn, màu, véc ni trong các c a hàng chuyên doanh - Bán l kính xây d ng trong các c a hàng chuyên doanh - Bán l xi măng, g ch xây, ngói, đá, cát s i, s t thép và v t li u xây d ng khác trong các c a hàng chuyên doanh - Bán l g ch p lát, thi t b v sinh trong các c a hàng chuyên doanh - Bán l thi t b l p đ t khác trong xây d ng trong các c a hàng chuyên doanh	4752(Chính)
27.	Bán l đ đi n gia d ng, giư ng, t , bàn, gh và đ n i th t tương t , đèn và b đèn đi n, đ dùng gia đình khác chưa đư c phân vào đâu trong các c a hàng chuyên doanh Chi ti t: - Bán l đ đi n gia d ng, đèn và b đèn đi n trong các c a hàng chuyên doanh - Bán l giư ng, t , bàn, gh và đ dùng n i th t tương t trong các c a hàng chuyên doanh - Bán l đ dùng gia đình b ng g m, s , th y tính trong các c a hàng chuyên doanh	4759

28.	Ho t đ ng ki n trúc và tư v n k thu t có liên quan Chi ti t: - D ch v tư v n l p h sơ m i th u; - Thi t k quy ho ch xây d ng; - Thi t k ki n trúc công trình; Thi t k k t c u công trình dân d ng - công nghi p; Thi t k đi n - cơ đi n công trình; Thi t k c p - thoát nư c; Thi t k xây d ng công trình giao thông; thi t k xây d ng công trình nông nghi p và phát tri n nông thôn; thi t k xây d ng công trình h t ng k thu t; - Giám sát thi công xây d ng; Thi công xây d ng công trình; Ki m đ nh, giám đ nh ch t lư ng công trình xây d ng; - Tư v n giám sát, đánh giá d án đ u tư.	7110
29.	Ki m tra và phân tích k thu t	7120
30.	Ho t đ ng thi t k chuyên d ng	7410
31.	L p đ t máy móc và thi t b công nghi p	3320
32.	S a ch a máy móc, thi t b	3312
33.	Ho t đ ng chuyên môn, khoa h c và công ngh khác chưa đư c phân vào đâu (không bao g m ho t đ ng c a các nhà báo đ c l p, tr thanh toán h i phi u và thông tin t l lư ng, tr tư v n ch ng khoán)	7490
34.	V sinh chung nhà c a	8121
35.	V sinh công nghi p và các công trình chuyên bi t Chi ti t: - D ch v di t côn trùng, di t khu n b ng ch ph m; - D ch v v sinh bên ngoài cho t t c các công trình, bao g m các văn phòng, nhà máy, c a hàng, cơ quan và các khu nhà đ m c tiêu khác; - D ch v v sinh chuyên nghi p cho khu nhà như làm s ch c a s , làm s ch ng khói ho c v sinh lò sư i, lò thiêu, n i c t, ng thông gió, các b ph n c a ng; - V sinh và b o dư ng b bơi; - V sinh máy móc công nghi p; - D ch v t y u và ti t trùng; - D ch v v sinh khu nhà và các công trình khác chưa đư c phân vào đâu.	8129
36.	D ch v chăm sóc và duy trì c nh quan	8130
37.	Đ i lý, môi gi i, đ u giá hàng hóa Chi ti t: - Đ i lý bán hàng hóa; - Môi gi i mua bán hàng hóa.	4610
38.	Bán buôn nông, lâm s n nguyên li u (tr g , tre, n a) và đ ng v t s ng	4620

39.	Kinh doanh b t đ ng s n, quy n s đ ng đ t thu c ch s h u, ch s đ ng ho c đi thuê	6810
40.	Tư v n, môi gi i, đ u giá b t đ ng s n, đ u giá quy n s đ ng đ t Chi ti t: - D ch v môi gi i b t đ ng s n; - D ch v s n giao d ch b t đ ng s n; - D ch v tư v n b t đ ng s n; - D ch v qu n lý b t đ ng s n.	6820
41.	Kho bãi và lưu gi hàng hóa	5210
42.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa đư c phân vào đâu Chi ti t: - Bán buôn thu c thú y, ch ph m sinh h c cho chăn nuôi, nuôi tr ng th y s n, nông nghi p; - Bán buôn phân bón, thu c tr sâu và hóa ch t khác s đ ng trong nông nghi p; - Bán buôn hóa ch t khác (tr lo i s đ ng trong nông nghi p); - Bán buôn chuyên doanh khác còn l i chưa đư c phân vào đâu.	4669
43.	Bán l thu c, d ng c y t , m ph m và v t ph m v sinh trong các c a hàng chuyên doanh	4772
44.	Bán l hàng hóa khác m i trong các c a hàng chuyên doanh Chi ti t: - Bán l thu c thú y, ch ph m sinh h c cho chăn nuôi, nuôi tr ng th y s n, nông nghi p;	4773
45.	Ho t đ ng d ch v h tr kinh doanh khác còn l i chưa đư c phân vào đâu Xu t nh p kh u các m t hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

M nh giá c ph n:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN NGUYỄN C NAM	Số 128 Phố Sài Đồng, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.400.000	14.000.000.000	70,000	030077000144	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.400.000	14.000.000.000	70,000		
2	NGUYỄN VĂN THANH	Thôn 2, Xã Địch Hưng, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25,000	145037647	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	25,000		

3	NGUYỄN NGUYỄN CỘNG	Số 42 ngách 122/58 Phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	0300850000 48
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN NGUYỄN CỘNG NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 27/03/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng minh cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng minh cá nhân: 030077000144

Ngày cấp: 08/05/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 128 Phố Sài Đồng, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chức hiện tại: Số 128 Phố Sài Đồng, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội